UNIVERSITÉ NATIONALE DU VIETNAM À HANOI

UNIVERSITÉ DE LANGUES ET D’ÉTUDES INTERNATIONALES

**-----------------------------------------**

**NGUYỄN THỊ THU HỒNG**

**ÉLABORATION D’UNE APPOCHE PÉDAGOGIQUE ASSISTÉE PAR LES TIC DANS LA PERSPECTIVE ACTIONNELLE POUR AMÉLIORER LA COMPRÉHENSION DE TEXTE EN FRANÇAIS COMMERCIAL DES ÉTUDIANTS DE L’UNIVERSITÉ DE COMMERCE DU VIETNAM**

**XÂY DỰNG MỘT PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM CÓ SỰ HỖ TRỢ CỦA CNTT THEO ĐƯỜNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG NHẰM CẢI THIỆN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TIẾNG PHÁP THƯƠNG MẠI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**Spécialité : Didactique du FLE**

**Code : 9140233.01**

**Directeur de recherche**

**Pr.Dr. NGUYỄN QUANG THUẤN**

**HANOI - 2020**

La recherche a été achevée à l’Université Nationale du Vietnam à Hanoi

Directeur de recherche: **Pr. Dr. Nguyễn Quang Thuấn**

Rapporteur 1:

Rapporteur 2:

Rapporteur 3:

La thèse sera défendue devant le Jury réuni à

à…………….le………………………..

**LISTE DES PUBLICATIONS DE LA CHERCHEUSE**

1. “*Intégration de la plateforme EDMODO dans l’autoformation du français des étudiants à l’Université de Commerce du Vietnam*”, (2018), Séminaire régional de recherche francophone d’Asie-Pacifique “Enseignement et formation du/en français : en contexte plurilingue”, Editeur de l’Université Nationale, – ISBN 978-604-968-988-8, pp. 291-297

2. « *Intégration des TIC dans l’enseignement de la compréhension des textes en français commercial aux étudiants de l’Université de Commerce du Vietnam* », (2019), Séminaire régional à l’Université des Langues Etrangères – Université Nationale du Vietnam à Hanoi, en publication.

3. « *Intégration de Kahoot, un outil de TIC, dans l’enseignement du français commercial aux étudiants de l’Université de Commerce du Vietnam***»,** (2019)Séminaire régional de recherche francophone d’Asie-Pacifique à Siemriep, Cambodge, en publication.

**PHẦN MỞ ĐẦU**

1. **Đặt vấn đề**

Chúng ta đang sống trong thời đại thông tin mà hàng ngày chúng ta phải đối mặt với vô số những tài liệu đa dạng và phong phú. Việc làm chủ năng lực hiểu trong tình huống đọc không còn là lĩnh vực dành riêng cho giáo viên, nhà giáo, nhà nghiên cứu mà nó đã trở thành mối quan tâm của toàn xã hội, vì năng lực hiểu văn bản là một điều kiện tiên quyết để thành công trong học tập và một phương tiện hữu hiệu để tiếp cận tri thức.

Đọc hiểu là một trong bốn kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ được hướng tới trong việc dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ. Việc đạt được kỹ năng đọc hiểu phải cần đến các kiến thứ về cú pháp, ngữ nghĩa, thực dụng, các loại đồ họa và các cấu trúc ngôn ngữ cũng như các quy tắc văn hóa xã hội của cộng đồng giao tiếp ngôn ngữ ấy. Nhờ vào việc hiểu một văn bản, người học có thể học được cách giải thích, bày tỏ ý kiến, cảm xúc của mình một cách phù hợp và nắm vững các quy tắc chính của việc viết khóa luận, tiểu luận như trường hợp của sinh viên của chúng ta. Kể từ khi đường hướng tập trung vào hiểu ra đời, người ta càng ngày càng nhất trí để nói rằng việc học một ngôn ngữ phải bắt đầu và qua học việc học hiểu. Khả năng xây dựng nghĩa của một thông điệp, theo các nhà khoa học nhận thức, là trung tâm của tất cả các hoạt động giao tiếp và học tập của con người.

Từ những năm 1970, người ta càng ngày càng quan tâm đến ngôn ngữ chuyên ngành (NNCN) trong dạy và học ngoại ngữ. Việc giảng dạy NNCN trước hết đáp ứng nhu cầu giao tiếp chuyên ngành và cung cấp cho các chuyên gia của một chuyên ngành các tài liệu bằng văn bản liên quan đến lĩnh vực cụ thể đó bằng một ngoại ngữ được sử dụng rộng rãi. Do đó, việc dạy NNCN càng ngày càng đồng nghĩa với dạy đọc hiểu. Dần dần, sự gia tăng và đa dạng hóa trao đổi giữa các chuyên gia và các nhà khoa học cũng như sự phát triển di cư quốc tế của sinh viên và các chuyên gia đã dẫn đến sự phát triển của việc dạy một ngoại ngữ chuyên ngành theo nhu cầu của người học và các mục tiêu đã định. Do đó, việc dạy NNCN cho sinh viên và các chuyên gia đã đa dạng hơn và toàn diện hơn.

Việc giảng dạy các ngôn ngữ chuyên ngành "*liên quan mật thiết với việc đổi mới việc dạy ngôn ngữ*" (Bădulescu, 2014: 520). Các ngôn ngữ chuyên ngành là các yếu tố của tiến bộ sư phạm cho tất cả giáo viên trong các hoạt động sư phạm của họ. Việc giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành không chỉ nhằm mục đích làm chủ các cấu trúc ngôn ngữ mà còn là để nhận ra các giá trị diễn ngôn của chúng cần thiết cho hiểu cũng như cho việc sử dụng đúng các giá trị này trong việc diễn đạt ngôn ngữ chuyên ngành. "*Ngôn ngữ chuyên ngành vận động như một" hệ sinh thái ", trong đó người học và người dạy tham gia, cùng với tất cả những người phát triển kiến ​​thức và diễn ngôn của các ngành cụ thể* (Bădulescu, 2014: 528).

Sự phát triển của Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT-TT) từ những năm 1990 đã ảnh hưởng sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của xã hội trong đó dạy và học ngoại ngữ đã trải qua những biến động lớn. Những người học hôm nay không phải là những người học của ngày hôm qua, chúng ta đang đối mặt với một thế hệ bắt đầu tiếp cận hoàn toàn với công nghệ. Giới trẻ của chúng ta dành phần lớn thời gian trước máy tính kết nối Internet với các mạng xã hội, diễn đàn, v.v. Ngày nay, CNTT đã quen thuộc, thậm chí không thể thiếu được đối với thế hệ trẻ. Kết nối ngày càng trở nên quan trọng trong tất cả các khía cạnh của đời sống xã hội và cá nhân, và các công nghệ di động đang đóng một vai trò ngày càng quan trọng. Trước đây trường học là nơi duy nhất mà học sinh có thể tiếp cận với CNTT-TT. Ngày nay, ở nhiều quốc gia, thiết bị di động và truy cập internet gia đình đã giúp giới trẻ trở thành những người sử dụng CNTT-TT. Trong hầu hết các hệ thống giáo dục, cần phải tận dụng tốt hơn thực tế này và tiềm năng của nó về mặt học tập, bằng cách tập trung vào nhiều ứng dụng sáng tạo mà người học tận dụng CNTT để giao tiếp và học hỏi và chia sẻ kiến ​​thức. Trong xu hướng này, chính UNESCO đã quyết tâm thúc đẩy việc áp dụng CNTT-TT trong các giải pháp giáo dục giúp phổ biến kiến ​​thức, làm cho việc học hiệu quả hơn và phát triển các dịch vụ giáo dục hiệu quả hơn, cũng như xem xét lại các quá trình dạy và học.

Ngôn ngữ chuyên ngành là những ngôn ngữ sử dụng thường xuyên nhất các công cụ của công nghệ mới. CNTT có tác động rất tích cực đến việc dạy và học ngoại ngữ. Việc giảng dạy ngoại ngữ được hỗ trợ bởi CNTT nói chung và các ngôn ngữ chuyên ngành nói riêng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Người ta không thể tách biệt phần mềm giáo dục NNCN khỏi các chiến lược sư phạm sử dụng chúng (Bădulescu, 2014). Thực vậy, với sự phát triển kỹ thuật số gần đây, chúng ta nói đến đào tạo kết hợp, có nghĩa là giáo viên đang tích hợp vào các phương pháp giảng dạy của họ, những phương pháp giảng dạy trực tiếp và các hoạt động trực tuyến. Cho học sinh làm việc nhóm với các tài liệu được chia sẻ, chẳng hạn như Googledocs hoặc wiki hoặc thậm chí tham gia bàn luận trong các các diễn đàn hoặc các nhóm trước khóa học.

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện trong những năm gần đây để khám phá những ưu điểm cũng như những nhược điểm của việc tích hợp CNTT-TT vào dạy và học tiếng. Kết quả của các nghiên cứu này cho thấy rằng việc tích hợp CNTT-TT đã có tác động rất tích cực đến việc dạy và học ngôn ngữ, cho dù chúng là ngôn ngữ chuyên ngành hay ngôn ngữ chung (Atlan, 2000; Borges, 2001; Brondin, 2002; Truong Hoàng Lê, 2007; Qotb, 2008; Nguyễn Quang Thuấn, 2012 và 2014; Nguyễn Thị Huệ, 2016). Trong số các nghiên cứu này, bốn nghiên cứu tập trung vào ngôn ngữ chung (Borges, 2001; Brondin, 2002; Nguyen, 2012 và 2014), ba về ngôn ngữ chuyên ngành (Truong Hoang Le, 2007; Qotb, 2008; Nguyễn Thị Huệ, 2015) và một về chiến lược học Atlan, 2000). Đặc biệt, việc tích hợp CNTT & TT đã có tác động tích cực đến phương pháp giảng dạy của giáo viên, về phương pháp cũng như hành động học và kết quả học tập của người học. Việc sử dụng các công nghệ mới này thúc đẩy các phương pháp sư phạm tích cực hơn. Nó cho phép sinh viên có động lực hơn, năng động hơn và sáng tạo hơn và giúp giáo viên phát triển sang tạo thực hành giảng dạy của họ (Nguyễn Quang Thuấn, 2012). Tương tự như vậy, một số kỹ năng liên quan đến hợp tác, giao tiếp, phương pháp và tính phản xạ sẽ được tăng cường thông qua các thực hành này. Cần phải kể đến hai nghiên cứu gần đây về việc hiểu văn bản chuyên ngành đó là nghiên cứu của Trương Hoàng Lê (2007) nghiên cứu về ảnh hưởng của từ vựng của một chuyên ngành đối với việc hiểu các văn bản chuyên ngành. Và Qotb (2009) trong luận án tiến sĩ của mình đã thực hiện nghiên cứu về phương pháp giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành bởi trung gian Internet. Tác giả đã thành công trong việc thiết kế một trang web www.le-fos.com nhằm cung cấp đào tạo hợp tác bằng tiếng Pháp cho doanh nghiệp.

Trên nền tảng Kahoot và Edmodo, khóa đào tạo của chúng tôi dựa trên việc thực hiện các nhiệm vụ hợp tác thực tế trong thế giới kinh doanh.

Dạy/học tiếng Pháp nói chung, đặc biệt dạy đọc hiểu văn bản tiếng Pháp thương mại nói riêng tại Đại học Thương Mại (ĐHTM) thường gặp vấn đề. Trên thực tế, chúng tôi nhận thấy rằng phương pháp giảng dạy đọc hiểu tại ĐHTM vẫn còn truyền thống. Ưu tiên cung cấp kiến ​​thức ngôn ngữ hơn là phát triển các kỹ năng, năng lực giao tiếp, đặc biệt là hiểu các văn bản tiếng Pháp chuyên ngành. Mặt khác, sự đổi mới giảng dạy trong việc phát triển năng lực đọc hiểu các văn bản bằng tiếng Pháp chuyên ngành của học sinh thường bị sao nhãng thiếu quan tâm. Đặc biệt, việc sử dụng CNTT-TT vẫn còn rất hiếm và giáo viên không có cùng quan điểm về vị trí của CNTT trong dạy, học kỹ năng đọc hiểu. Trong quá trình làm việc với các đồng nghiệp của chúng tôi, chúng tôi thấy rằng họ hiếm khi sử dụng CNTT trong các bài giảng của họ và hầu hết họ băn khoăn về cách tích hợp CNTT vào giảng dạy. Một số người thậm chí nghĩ rằng việc sử dụng CNTT trong các khóa học không giúp kích thích trao đổi bằng lời nói trong lớp và cũng không phát triển khả năng hiểu văn bản, đặc biệt là văn bản bằng tiếng Pháp chuyên ngành ở sinh viên.

Tất cả những lý do trên đay đã thúc đẩy chúng tôi nghiên cứu phát triển một phương pháp sư phạm tiên tiến trong mục đích cải thiện năng lực đọc hiểu các văn bản tiếng Pháp thương mại của sinh viên trường ĐHTM. Đây là một phương pháp sư phạm được hỗ trợ bởi CNTT dựa trên đường hướng hành động trong việc dạy/học tiếng Pháp thương mại. Cách tiếp cận này nhằm mục đích trước tiên là phát triển năng lực hiểu các văn bản bằng tiếng Pháp chuyên ngành và sau đó là nâng cao chất lượng dạy và học của tiếng Pháp chuyên ngành nói chung và tiếng Pháp thương mại nói riêng.

1. **Câu hỏi, giả thuyết và mục tiêu nghiên cứu**
   1. **Câu hỏi nghiên cứu**

Câu hỏi trung tâm sau đây là đối tượng của nghiên cứu này:

**Phương pháp sư phạm có sự hỗ trợ CNTT dựa trên đường hướng hành động có làm tăng kết quả hiểu của sinh viên khi đọc một văn bản bằng tiếng Pháp thương mại không?**

Câu hỏi trung tâm này được chia thành hai câu hỏi phụ sau:

- Việc áp dụng đường hướng hành động vào việc dạy đọc hiểu có ảnh hưởng đến kết quả hiểu văn bản tiếng Pháp thương mại của sinh viên không?

- Việc tích hợp CNTT trong dạy đọc hiểu có ảnh hưởng đến kết quả hiểu bản tiếng Pháp thương mại của sinh viên không?

* 1. **Giả thuyết nghiên cứu**

Từ câu hỏi nghiên cứu, chúng tôi đưa ra giả thuyết sau:

**Người ta chờ đợi tác động của phương pháp sư phạm tích hợp CNTT theo đường hướng hành động: các sinh viên đã học theo phương pháp sư phạm được biên soạn mới sẽ nhận được kết quả hiểu tốt hơn so với các sinh viên không học theo phương pháp sư phạm được biên soạn mới khi đọc một văn bản bằng tiếng Pháp thương mại.**

* 1. **Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu này thuộc lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ. Nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu sau đây:

* xây dựng một phương pháp sư phạm tích hợp CNTT theo đường hướng hành động nhằm cải thiện năng lực hiểu văn bản tiếng Pháp thương mại của những sinh viên học tiếng Pháp như một ngoại ngữ;
* xác nhận phương pháp sư phạm nêu trên;
* kiểm tra sinh viên có sự tiến bộ trong hiểu các văn bản tiếng Pháp thương mại, sau khi học theo phương pháp sư phạm mới và tiên tiến này.

**2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án của chúng tôi thuộc lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ. Chúng tôi đặt câu hỏi về phương pháp sư phạm để hiểu các văn bản nói chung và các văn bản tiếng Pháp nói riêng trong bối cảnh lý luận dạy học và phương pháp sư phạm, sau đó đưa ra kết luận một cách phù hợp nhất nhằm cải thiện thực hành trong lớp. Nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào một tình huống sư phạm cụ thể, những gì xảy ra trong lớp học, để xử lý tình huống này nhằm cải thiện nó. Do đó, chúng tôi nghiên cứu về hành động « *nghiên cứu hành động cùng theo đuổi hai mục tiêu: sản xuất kiến ​​thức và thay đổi thực tế thông qua hành động. Vấn đề kép này dẫn đến giảm cơ hội còn lại, và nhằm mục đích đảm bảo rằng mỗi tác nhân - nhà nghiên cứu hoặc người thực hành có được năng lực thực sự để dự đoán tương lai* ”(Verspieren, 1994: 1)

Về vấn đề này, Catroux (2008: 2) đã chỉ ra:

"*Nghiên cứu hành động đại diện cho một lĩnh vực nghiên cứu giáo dục đang phát triển, mục đích chính của nó là công nhận các yêu cầu của giáo viên để chuyển từ giai đoạn phản ánh có tổ chức sang thực hành trên lớp. Nghiên cứu hành động là một quá trình nhằm trang bị cho tất cả những người tham gia trong bối cảnh giáo dục, cho dù là sinh viên, giáo viên hay các bên liên quan khác, phương tiện để cải thiện thực hành của họ thông qua những trải nghiệm được khai sáng và nuôi dưỡng các kiến thức lý thuyết hiện hành. Tất cả những người tham gia đều trở thành những tác nhân có thiện chí trong quá trình nghiên cứu.* "

Luận án của chúng tôi là trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, cách tiếp cận của nó khá đa ngành vì nó cho phép chúng tôi kiểm tra chủ đề từ các quan điểm khác nhau và với quan điểm khách quan hơn. Lý do thứ hai dẫn chúng tôi đến sự lựa chọn này là do việc dạy đọc hiểu có mối liên hệ chặt chẽ với các bộ môn khác (khoa học nhận thức, tâm lý học ...). Chúng tôi đã chọn một lĩnh vực nghiên cứu với hai khía cạnh: giao thức của giáo khoa và sư phạm. Hai chiều này liên kết chặt chẽ với nhau.

Giống như bất kỳ nghiên cứu hành động nào, nghiên cứu này có bốn giai đoạn chính: *xác định vấn đề hoặc tình hình của vấn đề, soạn thảo phương pháp tiếp cận hoặc con đường giáo dục, thử nghiệm con đường phát triển này và đánh giá các phản hồi từ thử nghiệm*. Tính độc đáo của nghiên cứu này nằm ở chỗ nó đã phát triển một quá trình giáo dục tích hợp CNTT dựa trên quan điểm hành động. Cụ thể hơn, chúng ta sẽ bắt đầu xác định tình huống có vấn đề của nghiên cứu. Sau đó chúng tôi sẽ tiến hành phát triển một lộ trình giáo dục và thử nghiệm và sẽ xác nhận phương pháp giáo dục nói trên. Cuối cùng, hai cuộc điều tra câu hỏi, một dành cho các giáo viên và một dành cho các sinh viên tham gia nghiên cứu và một bài kiểm tra để đánh giá khả năng hiểu văn bản trong tiếng Pháp thương mại đã được sử dụng để đánh giá kết quả của thí nghiệm. Những kết quả này sẽ được phân tích định lượng và định tính. Dữ liệu thu được trong hai cuộc điều tra bảng câu hỏi được phân tích theo cách mô tả và những dữ liệu thu được trong bài kiểm tra đánh giá mức độ hiểu văn bản trong kinh doanh tiếng Pháp được phân tích theo cách suy luận phục vụ cho việc xác minh giả thuyết nghiên cứu.

**3. Cấu trúc của luận án**

Cấu trúc của luận án được xây dựng theo phương pháp suy luận, được chia thành ba phần. Phần một gồm hai chương về lý thuyết của nghiên cứu. Phần thứ hai, bao gồm hai chương, được dành riêng để trình bày phương pháp nghiên cứu. Phần cuối trình bày kết quả nghiên cứu. Nó sẽ làm phong phú thêm lý luận dạy học đọc hiểu các văn bản trong một ngôn ngữ chuyên ngành và mở ra các định hướng phương pháp và sư phạm về giảng dạy hiểu các văn bản nói chung và các văn bản trong tiếng Pháp thương mại nói riêng.

# **PHẦN THỨ NHẤT : CƠ SỞ LÝ THUYẾT**

**Chapitre 1 : Ngôn ngữ chuyên ngành**

Ngôn ngữ của chuyên ngành là một trong hai chủ đề mà chúng tôi phải giải quyết trong khuôn khổ nghiên cứu tiến sĩ của chúng tôi. Để đạt được các mục tiêu của luận án là thúc đẩy sự quan tâm thông qua việc triển khai CNTT trong việc dạy và học đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Pháp thương mại cho sinh viên trường Đại học Thương mại Việt Nam, chúng tôi tiến hành phân tích phê phán các nghiên cứu về đọc hiểu các văn bản bằng tiếng Pháp cũng như tiếng Pháp thương mại và về việc ứng dụng CNTT trong việc giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành để xác định nghiên cứu của chúng tôi với những nghiên cứu đã được thực hiện.

Trong chương này, chúng tôi bắt đầu bằng việc xác định và làm rõ các khái niệm chính liên quan đến vấn đề nghiên cứu, đó là ngôn ngữ chuyên ngành (LSP), tiếng Pháp dạy theo các Mục tiêu cụ thể (FOS), tiếng Pháp dạy theo các Mục tiêu học đại học (FOU) và tiếng Pháp thương mại (FC). Chúng tôi cũng đề cập những đặc điểm của chúng và cố gắng phân biệt việc giống và khác nhau giữa các ngôn ngữ này. Chúng tôi kết thúc bằng cách trình bày việc giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành và tích hợp CNTT trong việc giảng dạy ngôn ngữ này.

Về ngôn ngữ chuyên ngành, các tác giả đã đưa ra một số định nghĩa ít nhiều giống nhau. Những định nghĩa này có thể được tóm tắt như sau:

"*Ngôn ngữ chuyên ngành là một tập hợp các đối tượng ngôn ngữ và / hoặc ngôn ngữ bao gồm tất cả các phương tiện biểu đạt (từ vựng, hình thái, cú pháp và văn phong), được một nhóm các chuyên gia sử dụng thường xuyên trong công việc chuyên môn của họ*.”

Richer (2008) liệt kê các đặc điểm của ngôn ngữ chuyên ngành theo quan điểm ngôn ngữ và diễn ngôn ở cấp độ từ vựng, cấp độ cú pháp, cấp độ các thể loại ngôn ngữ và mối quan hệ ngôn ngữ và hành động.

Đối với tiếng Pháp dạy theo các Mục tiêu cụ thể FOS, Cup (2003: 48) đã đưa ra định nghĩa sau:

"Tiếng Pháp dạy theo các Mục tiêu cụ thể (FOS) ra đời từ mối quan tâm nhằm điều chỉnh việc giảng dạy FFL cho các đối tượng người lớn muốn tiếp thu hoặc cải thiện các kỹ năng tiếng Pháp cho hoạt động nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học. tiếng Pháp dạy theo các Mục tiêu cụ thể là một phần của quá trình dạy và học chức năng: mục tiêu của đào tạo ngôn ngữ không phải là thông thạo ngôn ngữ mà là tiếp cận với bí quyết ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp chuyên nghiệp hoặc học thuật được xác định hợp lệ. ".

Tiếng Pháp dạy theo các Mục tiêu cụ thể FOS khác với tiếng Pháp nói chung ở cấp độ từ vựng và trong các tình huống giao tiếp. Nó cũng được phân biệt bởi một số đặc điểm cụ thể như sự đa dạng của khán giả và nhu cầu cụ thể của nó.

Tiếng Pháp dạy theo mục tiêu học đại học là một khái niệm mới bắt đầu và đang có vị trí quan trọng trong dạy và ngoại ngữ. Vì vậy, mục tiêu của tiếng Pháp dạy theo mục tiêu cụ thể là FOS, nhưng đối tượng của nó là sinh viên đại học, những người cần học tiếng Pháp như một chuyên ngành. Họ muốn học những kỹ năng cần thiết ở trường đại học.

Chúng tôi vừa xem xét một cách nghiêm túc các định nghĩa, quan điểm về ngôn ngữ chuyên ngành thông qua FOS, FOU để đi đến chia sẻ quan điểm của Delagneau (2008), người nhấn mạnh: “Không nên giảm LSP đến một từ vựng hoặc thuật ngữ chuyên ngành của một trường được phân vùng và đến một kho từ vựng hoặc ngữ pháp trừu tượng. "

Đối với tiếng Pháp thương mại, nếu chúng ta gọi một ngôn ngữ chuyên ngành là một tiểu hệ thống ngôn ngữ tập hợp các đặc điểm ngôn ngữ, thì tiếng Pháp thương mại là một tiểu hệ thống ngôn ngữ để nó tập hợp lại với nhau. các đặc thù ngôn ngữ của lĩnh vực thương mại. Như vậy, đặc điểm của văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế thương mại là đặc điểm diễn ngôn của diễn ngôn lĩnh vực kinh tế thương mại, điều này phân biệt nó với diễn ngôn chung và với diễn ngôn khoa học. Diễn ngôn này chỉ ra các mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau gắn kết những con người hoặc tác nhân kinh tế xác định các hoạt động kinh tế và xác định phần lớn diễn biến của các sự việc. Theo quan điểm này, từ vựng chuyên ngành này giúp định vị mọi người trong một thứ bậc xã hội càng có thể được nhận ra trong diễn ngôn về các mối quan hệ lao động và thương lượng, nơi cán các quan hệ sức mạnh được thực hiện.

Thế giới thương mại trình bày một diễn ngôn ở đó các trao đổi tăng cường, thương lượng và ký kết bằng hợp đồng. Do đó, có ảnh hưởng của diễn ngôn pháp lý đối với hoạt động kinh doanh có quan niệm về luật pháp.

Từ vựng chuyên ngành cũng xác định mối quan hệ giữa các tác nhân và các dữ kiện kinh tế theo một lược đồ diễn ngôn tương tự như trong ngôn ngữ pháp lý. Thứ bậc của con người và sự kiện kinh tế giữa chúng tương ứng với thứ bậc của thông tin trong diễn ngôn.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đã cố gắng làm nổi bật việc tích hợp CNTT trong việc giảng dạy các ngôn ngữ chuyên ngành. Để hoàn thành công việc này, chúng tôi đã cố gắng đưa ra một định nghĩa và đặc biệt là chỉ rõ các đặc điểm được trình bày bởi tiếng Pháp thương mại, ngôn ngữ chuyên ngành liên quan đến nghiên cứu của chúng tôi.

**Chapitre 2 : Đọc hiểu ngôn ngữ chuyên ngành**

Đọc hiểu là một trong bốn kỹ năng ngôn ngữ được hướng tới khi dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ (FLE). Việc đạt được kỹ năng này cần phải có các kiến thức cú pháp, ngữ nghĩa, tu từ, ngữ dụng, hệ thống đồ họa và cấu trúc ngôn ngữ cũng như các quy tắc văn hóa xã hội của cộng đồng nơi giao tiếp diễn ra.

Hiểu có thể được định nghĩa là khả năng xây dựng, từ các yếu tố của văn bản và kiến ​​thức trước đó của người đọc. Trước hết, nó là một quá trình năng động nhằm mục đích tích hợp thông tin khi nó được nhận thức. Việc đạt được khả năng hiểu văn bản bằng tiếng nước ngoài là một quá trình phức tạp, kết quả của cả quá trình chuyển giao kiến ​​thức trong tiếng mẹ đẻ, từ việc phát triển các kỹ năng từ vựng, cú pháp và văn bản cụ thể của tiếng nước ngoài, kiến ​​thức có trước của người đọc, kiến ​​thức chung về thế giới và hành trang văn hóa xã hội của người đọc.

Để làm sáng tỏ những quá trình nhận thức vô hình này, nhiều nhà nghiên cứu đã đề xuất nhiều mô hình đọc hiểu cố gắng giải thích các quá trình liên quan đến việc hiểu văn bản như mô hình tình huống của Van Dijk và Kintsch (1983), Mô hình đọc hiểu của Giasson (1990), mô hình xây dựng-tích hợp của Kintsch (1988-1998) và mô hình xây dựng cấu trúc của Gernsbacher (1990, 1995, 1997).

Trong suốt những năm 1980, các nhà nghiên cứu đã cố gắng đưa ra các mô hình đọc để cải thiện chất lượng dạy và học về năng lực đọc hiểu như mô hình Phương pháp tiếp cận tổng quát với văn bản của Moirand ( 1979), mô hình đọc tương tác của Francine Cicurel trong FLE (1991) và các mô hình tương tác.

Đọc các văn bản chuyên ngành thường là một quá trình xử lý sự phức tạp của việc làm tăng khó khăn trong việc hiểu các lĩnh vực khoa học liên quan đến kiến ​​thức về thế giới. Ngoài ra, tính ngắn gọn của từ vựng chuyên ngành của các văn bản khoa học gây khó khăn cho việc hiểu. Hơn thế nữa, ngữ cảnh không đủ để làm sáng tỏ ý nghĩa của từ và các ngữ cảnh không giúp xây dựng tính nhất quán của thông tin. Hiểu một văn bản chuyên ngành chủ yếu là xây dựng các biểu đạt, phát triển sự trình bày về lĩnh vực được đề cập đến trong văn bản này và tổ chức khối kiến ​​thức một cách mạch lạc để tích hợp thông tin mới được cung cấp bởi văn bản với kiến thức có trước của người đọc. Thật vậy, việc hiểu một văn bản chuyên ngành bao gồm việc người đọc tích hợp thông tin cú pháp và ngữ nghĩa từ văn bản vào kiến ​​thức của họ về thế giới để phát triển một cách biểu đạt nhằm đảm bảo tính nhất quán về quy chiếu hoặc nhân quả của lời nói. Rõ ràng là một trong những khó khăn lớn mà người học gặp phải là sự hiện diện của nhiều thuật ngữ khoa học và kỹ thuật mà họ không biết nghĩa của nó. Một mối quan tâm khác sẽ là mối quan tâm mà họ cho thấy để rút ngắn biểu thức, để cung cấp cho biểu thức nhiều năng lượng nhất có thể thông qua phím tắt hoán vị. Điều này khiến chúng tôi nói rằng khó khăn này có liên quan đến hai yếu tố: hoặc là người học không có kiến ​​thức trước cụ thể về lĩnh vực được xử lý; hay nói cách khác là anh ta không đủ kiến ​​thức về thế giới mà văn bản gợi ra, đó là sự thiếu hiểu biết lĩnh vực liên quan đến từ vựng.

**DEUXIÈME PARTIE : PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

# **Chương 3 : Xác định hoàn cảnh có vấn đề**

Chương thứ ba này được dành để xác định vấn đề nghiên cứu. Để phát triển và xác thực một con đường sư phạm tích hợp CNTT-TT dựa trên quan điểm hành động để dạy hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại cho sinh viên năm 3 của đại học Thương Mại, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu hành động. Trước hết, chúng tôi giới thiệu loại hình nghiên cứu này, sau đó thực hiện hai cuộc điều tra, một với các giáo viên và một với các sinh viên, và cuối cùng là những quan sát được thực hiện trên lớp để xác định đúng vấn đề của nghiên cứu.

* Việc phân tích hai cuộc điều tra được thực hiện với giáo viên và với sinh viên có thể rút ra những kết quả chính sau đây.
* Việc giảng dạy tiếng Pháp nói chung và tiếng Pháp thương mại nói riêng chủ yếu được thực hiện theo phương pháp giao tiếp mà rất ít theo phương pháp hay đường hướng hành động. Thật ngạc nhiên khi thấy rằng phương pháp truyền thống vẫn được ưu tiên.
* Phương pháp dạy học được sử dụng nhiều nhất là phương pháp chứng minh và phương pháp vấn đáp. Thật ngạc nhiên khi phương pháp chủ động hay phương pháp khám phá được coi là phương pháp ít được học sinh sử dụng nhất.
* Học sinh không thường xuyên sử dụng các chiến lược đọc hiểu khi đọc văn bản bằng tiếng Pháp nói chung và tiếng Pháp thương mại nói riêng. Nhiều chiến lược đọc hiểu trước, trong và sau khi đọc hiểu và chiến lược siêu nhận thức chưa bao giờ hoặc hiếm khi được học sinh sử dụng, mặc dù chúng là những chiến lược rất quen thuộc, rất có lợi và được người đọc sử dụng rộng rãi trong đọc một văn bản bằng tiếng nước ngoài. Có thể đưa ra một số giải thích: sinh viên không quen hoặc không quan tâm đến việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu khi họ có một văn bản để đọc, hoặc họ có những khoảng trống đáng kể về các chiến lược đọc hiểu.
* Học sinh thường gặp khó khăn trong việc hiểu khi đọc một văn bản bằng tiếng Pháp. Những khó khăn thường gặp nhất là khó khăn về từ vựng, khó khăn về ngữ pháp, khó khăn về văn hóa xã hội, khó khăn liên quan đến tính mạch lạc của văn bản, khó khăn trong tập trung và khó khăn liên quan đến việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu. Trong số những khó khăn này, khó khăn về từ vựng và khó khăn liên quan đến việc sử dụng các chiến lược đọc hiểu được coi là những khó khăn mà học sinh thường gặp nhất.
* Những hậu quả nảy sinh từ những khó khăn này là thực sự quan trọng và có tác động tiêu cực đến hoạt động đọc hiểu của học sinh và đến sự phát triển năng lực đọc hiểu của học sinh. Thật vậy, họ thường phải dùng đến giải mã và dịch thuật để xác định ý nghĩa của một văn bản được đọc. Họ thường thiếu tự tin và khó hiểu một văn bản bằng tiếng Pháp thương mại.
* Bất chấp những điều trên, đại đa số sinh viên vẫn có động cơ học tiếng Pháp. Các em mong muốn nâng cao thành tích của mình trong việc đọc hiểu tiếng Pháp nói chung và tiếng Pháp nói riêng. Đặc biệt, hầu hết các ý kiến ​​đều cho rằng rất cần thực hiện đổi mới phương pháp sư phạm dạy tiếng Pháp và dạy đọc hiểu.
* Các quan sát được thực hiện cho thấy rằng các khóa học hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại thường thuộc loại thông thạo. Buổi học được tổ chức chủ yếu theo hình thức hỏi đáp giữa giáo viên và học sinh. Các tương tác trong lớp học chi phối theo một hướng và từ người dạy sang người học. Sự tham gia tích cực của học sinh vì thế còn thiếu.

Kết quả thu được trong hai cuộc điều tra, với các giáo viên và với các sinh viên, và trong những cuộc quan sát trực tiếp được thực hiện trên lớp, giúp chúng ta có thể rút ra những nhận xét quan trọng, để xác định rõ tình hình có vấn đề nghiên cứu của chúng tôi và cuối cùng đề xuất, trong chương sau, một phương pháp sư phạm mới và tiên tiến có khả năng cải thiện việc giảng dạy và học tập năng lực hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại tại Khoa Đào tạo Quốc tế của trường đại học thương mại.

**Chương 4: Xây dựng phương pháp sư phạm mới và thử nghiệm**

Kết quả thu được trong các cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi với giáo viên và sinh viên, quan sát trong lớp và những kết quả thu được trong giai đoạn trước cho thấy rằng sự phát triển của một phương pháp sư phạm tích hợp CNTT dựa trên đường hướng hành động có thể giúp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản tiếng Pháp thương mại cho sinh viên là một điều rất cần thiết.

Chúng tôi vừa thiết kế và xây dựng một phương pháp sư phạm mới theo các bước của nghiên cứu hành động. Đây là một phương pháp sư phạm mới tích hợp CNTT dựa trên đường hướng hành động. Phương pháp sư phạm đổi mới này được phát triển với mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại cho sinh viên.

Sau khi đã cấu trúc và phát triển nội dung của phương pháp sư phạm, chúng tôi tiến hành xây dựng phương pháp sư phạm. Xây dựng phương pháp sư phạm hoặc đào tạo có nghĩa là phải tính đến đối tượng sinh viên và các khả năng được cung cấp bởi CNTT. Điều này sẽ làm cho nó có thể chuyển từ một quá trình sư phạm tuyến tính sang một con đường sư phạm thực sự, có tính đến kết quả làm việc của học sinh.

Để phát triển phương pháp sư phạm, chúng tôi bắt đầu bằng cách viết kịch bản sư phạm, đặc biệt là kịch bản tích hợp CNTT dựa trên đường hướng hành động. Sau đó, chúng tôi lựa chọn phương pháp giáo học pháp ưu tiên, lựa chọn các công cụ CNTT, phân tích tiền sư phạm, rồi tích hợp CNTT-TT, soạn thảo chỉ dẫn và cuối cùng là xây dựng các hoạt động và nhiệm vụ.

Để hoàn thành phương pháp sư phạm này, chúng tôi đưa nó vào thử nghiệm nhằm xác nhận phương pháp sư phạm đã đề xuất và kiểm tra tác động của nó đối với sự phát triển năng lực hiểu văn bản của học sinh và khả năng hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại của những học sinh này. Thật vậy, sau khi phát triển phương pháp sư phạm tích hợp CNTT-TT theo đường hướng hành động, chúng tôi đã thực hiện một thử nghiệm kéo dài mười tuần để xác minh tác động của con đường sư phạm mới này đối với sự phát triển năng lực hiểu của văn bản bằng tiếng Pháp thương mại của sinh viên học tiếng Pháp như một ngoại ngữ tại Khoa Đào tạo Quốc tế của Đại học Thương Mịa.

Để đánh giá kết quả của thử nghiệm, chính xác hơn là tác động của phương pháp sư phạm mới được đề xuất để cải thiện năng lực đọc hiểu các văn bản bằng tiếng Pháp thương mại của sinh viên, chúng tôi đã sử dụng hai công cụ đo lường bổ sung cho nhau: bài Test dánh giá năng lực hiểu văn bản tiếng Pháp thương mại và hai điều tra bằng bảng hỏi.

**PHẦN THỨ BA: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Chương 5: Phân tích và giải thích kết quả**

Chương cuối cùng này nhằm trình bày các kết quả của nghiên cứu. Nó được tạo thành từ bốn phần. Cuộc khảo sát thứ nhất và thứ hai trình bày kết quả thu được trong hai cuộc khảo sát, một cuộc khảo sát được thực hiện giữa các giáo viên và cuộc khảo sát khác giữa các học sinh. Phần thứ ba trình bày kết quả đạt được trong Bài kiểm tra đánh giá khả năng hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại. Phần cuối cùng đề cập đến việc thảo luận kết quả nghiên cứu.

Việc phân tích các kết quả thu được trong hai cuộc khảo sát của giáo viên và học sinh tập trung vào các yếu tố khác nhau liên quan đến việc thử nghiệm con đường giáo dục, chẳng hạn như việc tổ chức thực nghiệm, sự lựa chọn và sự thích ứng của các hỗ trợ, đặc biệt là hiệu quả của các hoạt động, các nhiệm vụ được giao cho học sinh và ảnh hưởng của con đường giáo dục đã phát triển và hậu quả của nó đối với những người tham gia.

Để xác thực phương pháp sư phạm mới, sau cuối thử nghiệm, chúng tôi đã sử dụng một Test để đánh giá khả năng hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại nhằm xác minh giả thuyết nghiên cứu. Phân tích thống kê suy luận được thực hiện với Test t Student. Kết quả đạt được ở Test đánh giá khả năng hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại khảng định giả thuyết nghiên cứu của chúng tôi theo đó những sinh viên đã theo phương pháp sư phạm mới. có được đạt được kết quả hiểu tốt hơn những sinh viên không theo phương pháp sư phạm mới khi đọc một văn bản bằng tiếng Pháp thương mại, sau khi áp dụng một con đường giáo dục tích hợp TIC dựa trên quan điểm định hướng hành động. ***Giả thuyết nghiên cứu do đó được khẳng định***.

**Bàn luận**

Đầu tiên, chúng tôi thấy rằng các sinh viên của lớp thực nghiệm thể hiện sự quan tâm nhiều hơn trong suốt thử nghiệm, việc sử dụng CNTT đáng được chú ý đặc biệt: động lực càng mạnh, khả năng học tập càng cao. Mặt khác, càng có ít động lực thì khả năng học hỏi càng ít.

Kết quả của thử nghiệm một mặt xuất phát từ tình huống trong đó các bài học thử nghiệm của chúng tôi diễn ra theo phương pháp sư phạm theo đường hướng hành động có ứng dụng CNTT. Mặt khác chúng tôi đã có thể quan sát rằng việc học bằng tiếng Pháp tạo ra hiệu quả tích cực trong việc phát triển kỹ năng đọc. Thật vậy, trong quá trình thử nghiệm của chúng tôi, chúng tôi đã cung cấp cho sinh viên của mình một mô hình dạy và học khác với những gì họ đã làm trước đó trong phần đọc hiểu.

Các giờ học được đa dạng bằng CNTT cho phép các sinh viên của lớp thực nghiệm được tiếp xúc với các tài liệu thực. Điều này tiếp xúc với một thực tế xã hội của ngôn ngữ thúc đẩy họ. Thật vậy, các tài liệu thực tế đại diện cho một yếu tố thúc đẩy, không chỉ cho người học mà còn cho giáo viên không hài lòng chỉ với các chương trình được phát triển trong sách giáo khoa. Về động lực, theo kết quả khảo sát, sinh viên cho biết họ đã rất hứng thú. Mặt khác, làm cho CNTT có sẵn cho họ là có lợi cho họ vì họ có thể tìm kiếm tài liệu ở nơi họ muốn, khi họ muốn một cách dễ dàng. Người học có ý kiến ​​hoàn toàn tích cực về vai trò của CNTT-TT khi chúng tôi phân tích bảng câu hỏi. Họ đã được thúc đẩy bởi việc sử dụng công cụ này. Hầu hết sinh viên trả lời đã tham gia khóa học một cách tự nguyện trong khi nó không giống các giờ học truyền thống.

Về mặt tương tác của sinh viên có tác dụng khuyến khích sự tự chủ trong học tập của họ.

Đối với các nhiệm vụ, CNTT tạo động lực cho sinh viên khám phá ra việc sử dụng ngôn ngữ thực sự. Các thao tác tổng hợp là ngay lập tức và toàn diện, điều này khó thực hiện với tài liệu giấy. Do đó, vào cuối quá trình thực nghiệm, kết quả thu được rất đáng khích lệ. Theo đó, các sinh viên tham gia thí nghiệm đã thể hiện thái độ thích thú với lớp học được hỗ trợ bởi CNTT (Kahoot, PowerPoint và máy chiếu trên cao, iMindMap, Edmodo) mang lại cho họ hiệu quả học tập, tinh thần làm việc nhóm, sự hài lòng trong việc học tiếng Pháp thương mại, sự dễ chịu, đặc biệt là động lực và cá nhân hóa nhịp điệu công việc.

Về mặt cá nhân hóa nhịp độ công việc, CNTT-TT đóng vai trò giúp người học làm việc tích cực và độc lập, trong khi vai trò của người dạy là hỗ trợ họ một cách cá nhân. Tất cả những điều này hội tụ về khái niệm phân biệt các hoạt động học tập. "*Nhu cầu đầu tiên của người học là học theo tốc độ của riêng họ, phát triển trong suốt cuộc đời"* (Bélisle et al, 2005, 2007: 15). Các công nghệ mới cung cấp cho sinh viên khả năng tiếp tục một cách hiệu quả theo tốc độ của riêng họ, giúp tránh cảm giác bị choáng ngợp, thường được theo sau bởi một giai đoạn mất tinh thần tuyệt đối.

Chúng ta thấy sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cá nhân hóa và động lực "*Theo quan điểm của Deci và Ryan, một người sẽ có động lực nếu anh ta có thể tự xác định mình*" (Grégoire và Karsenti, 2013: 128). Thật vậy, một người học sẽ chỉ có động lực nếu anh ta là cá nhân tại nguồn gốc của hành động của mình. Những quan sát này giải thích một phần tác động tích cực của CNTT-TT đối với động lực học tập (Grégoire và Karsenti, 2013). Thật vậy, những công nghệ mới này làm cho người học tích cực hơn và anh ta sẽ có thể kiểm soát quá trình học tập nhiều hơn mà không làm giảm chất lượng của kiến ​​thức thu được. Việc sử dụng CNTT là cơ hội thuận lợi để sinh viên có được sự tự tin, giải phóng một số áp lực và có tất cả thời gian của họ. Do đó, việc cá nhân hóa nhịp điệu công việc có thể được coi là một công cụ để khuyến khích các kỹ năng ngôn ngữ tốt hơn.

Chúng tôi có thể khẳng định lại một lần nữa rằng ngoài những ưu điểm khác, các giờ học đọc hiểu tài liệu tiếng Pháp thương mại có sự hỗ trợ của CNTT đã tạo cho sinh viên của chúng tôi động lực học tập, nhịp điệu làm việc phù hợp với từng cá nhân. Ngoài ra, các khóa học diễn ra trong không khí dễ chịu và gây hứng thú. Ngoài ra, nhờ các công cụ kỹ thuật số (Kahoot, PowerPoint và máy chiếu trên cao, iMindMap, Edmodo) rất hiệu quả, chúng tôi đã thu được kết quả đáng khích lệ như:

* Điểm của học sinh đã tăng lên, như chúng ta đã thấy khi so sánh điểm thu được trong bài kiểm tra sơ khảo và cuối kỳ.
* những khó khăn mà học sinh gặp phải đã giảm
* giao tiếp với giáo viên và với bạn bè dễ dàng và hiệu quả;
* động lực, trách nhiệm trong công việc nhóm, tinh thần đồng đội của học sinh trong lớp thực nghiệm được thiết lập.
* tự chủ và sáng tạo, việc tìm kiếm thông tin về bài học, trao đổi ý tưởng, quan sát cá nhân của giáo viên cho học sinh được tạo điều kiện.
* động lực học tiếng Pháp chuyên ngành của sinh viên được tăng lên;
* nhịp độ làm việc được cá nhân hóa và hài hòa;

Do đó, những khó khăn mà các sinh viên gặp phải đã giảm đi, mặt khác, có sự gia tăng khá rõ ràng về kết quả của họ trong lĩnh vực này, trong động lực của họ, trong trách nhiệm của họ trong công việc nhóm, trong tinh thần đồng đội của họ. Cuối cùng, chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã thành công trong việc tạo ra một công trình giải đáp vấn đề của chúng tôi, đó là nhận ra một khuôn khổ cho khóa học mà các nhu cầu của một phương pháp sư phạm hiểu được đáp ứng bằng cách đặt người học vào trung tâm của các mối quan tâm trong khi đặt tận dụng các công cụ mới cung cấp cho họ động lực và bằng cách cung cấp một thiết bị cho phép sự hiện diện của một giáo viên.

**KẾT LUẬN**

Nghiên cứu của chúng tôi nhằm mục đích phát triển một đường hướng sư phạm tích hợp CNTT-TT dựa trên đường hướng hướng hành động nhằm nâng cao năng lực hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại của những sinh viên học tiếng Pháp như một ngoại ngữ và xác thực phương pháp sư phạm tiên tiến nói trên và khảng định các sinh viên theo phương phạm mới và tiên tiến này cho phép sinh viên nâng cao năng lực đọc hiểu các văn bản bằng tiếng Pháp thương mại.

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu, chúng tôi đã chọn phương pháp nghiên cứu hành động, loại hình thay đổi có kiểm soát, chính xác hơn nhằm cố gắng kiểm soát thực nghiệm tốt nhất có thể và đánh giá kết quả định lượng. Đây là một loại hình nghiên cứu được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ. Giống như tất cả các nghiên cứu hành động, chúng tôi bắt đầu bằng việc xác định vấn đề nghiên cứu hay hoàn cảnh có vấn đề. Sau đó, chúng tôi đã xây dưng một phương pháp sư phạm được hỗ trợ của CNTT theo đường hướng hành động. Sau đó, chúng tôi tiến hành thử nghiệm phương pháp sư phạm mới này. Cuối cùng chúng tôi tiến hành đánh giá các kết quả thử nghiệm. Bốn bước bắt buộc này được thực hiện vừa tuyến tính vừa theo vòng xoáy ốc. Ngoài ra, hai bước khác, phân tích lý thuyết vấn đề nghiên cứu và điều chỉnh từng bước các biện pháp can thiệp, cũng được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu của chúng tôi.

Phân tích kết quả thu được trong hai cuộc điều tra bằng bảng hỏi với giáo viên cũng như với sinh viên cho thấy các hoạt động trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc được đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả. Các hoạt động trước khi đọc được tất cả các giáo viên, tức là 100% so với 92,6% sinh viên đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả. Tương tự như vậy, các hoạt động trong khi đọc được 100% giáo viên so với 92,6% sinh viên đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả. Cuối cùng, các hoạt động sau khi đọc được 100% giáo viên so với 85,2% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và đạt hiệu quả. Nhìn chung, giáo viên đánh giá hiệu quả của các hoạt động đọc cao hơn so với đánh giá của sinh viên.

Giống như hoạt động đọc, các nhiệm vụ cụ thể được giao cho sinh viên được tất cả hoặc hầu hết giáo viênvà hầu hết hoặc tuyệt đại đa số sinh viên đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả. Các nhiệm vụ giao tiếp được 100% giáo viên đánh giá là rất hiệu quả so với 88,9% sinh viên; các nhiệm vụ hành động rất hiệu quả và hiệu quả theo 100% giáo viên so với 85,2% sinh viên; theo 85,7% giáo viên và 81,5% học sinh đánh giá các nhiệm vụ được thực hiện trong hoạt động nhóm rất hiệu quả; các nhiệm vụ thực hiện trong các hoạt động xây dựng chiến lược đọc hiểu rất hiệu quả và hiệu quả theo 100% giáo viên so với 85,2% sinh viên; nhiệm vụ thực hiện các dự án rất hiệu quả và hiệu quả theo 100% giáo viên so với 92,6% sinh viên.

Đối với hiệu quả của việc tích hợp CNTT trong việc dạy đọc hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại, nó được đánh giá là hiệu quả (rất hiệu quả và hiệu quả) đối với các mục tiêu sư phạm do phương pháp sư phạm đã xác định: theo 100% giáo viên so với 88,9% sinh viên đánh giá “mục tiêu giúp cho sinh viên tự chủ độc lập hơn và có trách nhiệm hơn” rất hiệu quả và hiệu quả; “mục tiêu dạy học sinh hoạt động tích cực hơn” được tất cả giáo viên, tức là 100% so với 100% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả; “mục tiêu tạo động lực học tập cho sinh viên” được 100% giáo viên so với 92,6% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả; :mục tiêu tạo cơ hội tìm kiếm tài liệu và học tập” được 100% giáo viên so với 96,3% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả; “mục tiêu tăng cường giao tiếp giữa sinh viên với sinh viên và giữa sinh viên với giáo viê »n được 100% giáo viên so với 96,3% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả; “mục tiêu tăng sự tập trung ở sinh viên » được 100% giáo viên so với 96,3% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả; mục tiêu tạo thuận lợi cho sự hợp tác giữa học sinh với nhau được 100% giáo viên so với 100% sinh viên đánh giá rất hiệu quả và hiệu quả.

Từ những kết quả đạt được, cho thấy việc tích hợp các công cụ CNTT như Kahoot, Edmodo và iMindMap trong việc triển khai phương pháp sư phạm mới được giáo viên và sinh viên đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả. Đầu tiên, Kahoot được 100% giáo viên đánh giá hiệu quả và hiệu suất cao so với 96,3% sinh viên. Riêng với iMindMap, công cụ này đã được tất cả giáo viên và sinh viên đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả. Cuối cùng, Edmodo được 92,6% sinh viên đánh giá là rất hiệu quả và hiệu quả.

Về việc đánh giá tác động của phương pháp sư phạm vừa thử nghiệm và và các lợi ích mang lại của nó đối với những người tham gia, Hầu hết tất cả giáo viên và sinh viên đều khẳng định rằng các phương pháp sư phạm được thử nghiệm có tác động rất tích cực đến việc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản bằng tiếng Pháp của sinh viên và mang lại nhiều lợi ích cho những người tham gia nghiên cứu Thật vậy, tất cả giáo viên và sinh viên, tức là 100%, đồng ý rằng các mục tiêu của phương pháp sư phạm mới đều đạt, phương pháp sư phạm mới này đã đáp ứng kỳ vọng và mong đợi của sinh viên và nó là phương pháp sư phạm mới lần đầu tiên được thiết kế, biên soạn và rất tien tiến. Về việc áp dụng phương pháp sư phạm mới này trong thời gian tới, 100% giáo viên so với 96,3% sinh viên tin rằng có thể áp dụng nó vào việc giảng dạy tiếng pháp thương mại ở các trường đại học khác, đặc biệt là ở các trường đại học kinh tế, thương mại và tài chính.

Cuối cùng, phân tích các kết quả thu được trong Test đánh giá khả năng hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại được thực hiện vào sau khi thử nghiệm phương pháp sư phạm mới kết thúc cho thấy các khách thể của nhóm thực nghiệm đạt kết quả cao hơn các khách thể của nhóm đối chứng khi cùng đọc văn bản bằng tiếng Pháp thương mại. Những kết quả này khảng định thuyết nghiên cứu theo giả thuyết những sinh viên theo ***phương pháp sư phạm mới*** có kết quả tốt hơn những sinh viên không theo phương pháp sư phạm này. Nói cách khác, có sự tiến bộ ở các sinh viên năm thứ ba học tiếng Pháp trong việc hiểu các văn bản bằng tiếng Pháp thương mại, sau khi theo một phương pháp sư phạm được thiết kế và biên soạn theo đường hướng hành độngcó sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

Nhìn chung, tất cả các mục tiêu mà nghiên cứu của chúng tôi đặt ra đã đạt được. Kết quả thu được đáp ứng mong đợi của chúng tôi và trả lời các câu hỏi được đặt ra ngay từ đầu và có thể kiểm tra khẳng định giả thuyết nghiên cứu. Đóng góp quan trọng nhất chắc chắn là nghiên cứu của chúng tôi đã thành công trong việc thiết kế và phát triển một phương pháp sư phạm mới và tiên tiến tích hợp CNTT dựa trên quan điểm hành động. Kết quả của thử nghiệm chứng minh rằng phương pháp sư phạm mới này có những tác động quan trọng đến việc giảng dạy và phát triển năng lực đọc hiểu văn bản bằng tiếng Pháp thương mại của những sinh viên học tiếng Pháp như một ngoại ngữ. Đóng góp thứ hai của nghiên cứu này đó là các kết quả của nghiên cứu sẽ góp phần cải thiện nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Pháp nói chung và tiếng Pháp thương mại nói riêng tại Khoa Đào tạo Quốc tế của Trường Đại học Thương Mại Việt Nam. Cuối cùng, kết quả của nghiên cứu này một mặt khẳng định đường hướng hành động, một đường hướng giáo học pháp mở ra một bước ngoặt trong giảng dạy ngôn ngữ và mặt khác, việc tích hợp CNTT trong giảng dạy ngôn ngữ và đặc biệt là ngôn ngữ chuyên ngành là tất yếu.

Luận án này chắc chắn đã mở ra những hướng suy ngẫm và khảo sát mới. Nó có thể đóng góp nhất định vào việc thúc đẩy nghiên cứu trong dạy và học tiếng Pháp nói chung, đặc biệt tiếng Pháp thương mại. Do đó, chúng tôi tin rằng nghiên cứu này đã giúp mở ra hướng đi cho các nghiên cứu khác trong tương lai có thể bổ sung hoặc làm sâu sắc thêm nghiên cứu này.

**Références sélectives**

Adam, J-M.(1990)*.*Éléments de linguistique textuelle : théorie et pratique de l'analyse textuelle*.* Liège :Mardaga.

Adam, J-M. (1999). *Linguistique textuelle. Des genres de discours aux textes*. Paris : Nathan.

Bagnoli, P., Dotti, E., Praderi, R. & Ruel, V. (2010). La perspective actionnelle : didactique et pédagogie par l’action en Interlangue. Montevideo : Foro de Lenguas d’ANEP.

Băludescu, S-M. (2014). Le renouveau des langues de spécialité dans l'année européenne de la citoyenneté par éducation. *www.upm.ro/facultati\_departamente/stiinte\_litere/.../*, consulté le 2 août 2020.

Beacco*,*J*.-*C*. &*Darot*, M. (1980).* Discours didactique, discours de vulgarisation, discours de recherche. In Décrire l'écrit, BELC.  Paris : Hachette.

Berchoud, M. (2004). Communication de spécialité, culture(s), mondialisation. *Le Français dans le monde – Recherches et Applications, « Français, de la langue au métier »* (Berchoud & Rolland coord.), 52-61, janvier 2004.

Bibeau, R. (2000). *Guide de rédaction et de présentation d’un scénario pédagogique et d’une activité d’apprentissage*. http://ntic.org/guider/textes/div/bibscenario.html

Borges, K.-M. (2001). *Les usages des Technologies d’Information et de Communication par des enseignants dans un dispositif de formation tutorée en langues vivantes étrangères. Une approche ergonomique*. Thèse de doctorat, Université Pierre Mendès France Grenoble 3.

Bourguignon, C. & Puren, C. (2007). *Evaluer dans une perspective actionnelle: l’exemple du Diplôme de Compétence en Langue*. Le Havre : Editions Delbopur.

Bourguignon, C. (1994). Comment intégrer l’ordinateur dans la classe de langues. In Micro-*Savoir documents*, CNDP.

Bourguignon, C. (2006). De l’approche communicative à l’approche communic’actionnelle : une rupture épistémologique en didactique des langues-cultures. In *Synergie Europe no 1 : la richesse de la diversité : recherche et réflexion dans l’Europe des langues et des cultures*.

Bourguignon, C. (2009). L’apprentissage des langues par l’action. In *L’approche actionnelle dans l’enseignement des langues*. Paris : Edition Maison des langues, 2°édition révisée et enrichie, pp. 49-78.

Brassard et al. (2003). Un outil réflexif pour concevoir un scénario pédagogique intégrant les TIC. Environnements Informatiques pour l’Apprentissage Humain 2003, April 2003, Strasbourg, France. pp. 437-444. ffedutice-00000159.

Brondin, E. (2002). *Interaction entre innovation, technologie de l’information et de communication et apprentissage institutionnel des langues : l’exemple d’une recherche-action dans des lycées*. Thèse de doctorat, Université du Maine (France).

Cabré M.-T. (2007). Constituer un corpus de textes de spécialité. Institut universitari de linguistica aplicada PompeuFabra (Barcelone). *Cahier de ciel. 2007/2008,*38.

Carras, C. (2002). Analyse de besoins en didactique des langues de spécialité : études de cas en formation continue. Actes de GLAT 2002. Langues spécialisées et besoins spécifiques : théorie et pratique, Evry, GLAT, pp 241-250.

Catroux, M. (2002). Introduction à la recherche-action: Modalités d'une démarche théorique centrée sur la pratique. *Recherche et pratiques pédagogiques en langues de spécialité - Cahiers de l APLIUT,* *Vol. XXI N° 3,*2002, pp. 8-20*.*

Cicurel, F. (1991). *Lectures interactives en langues étrangères,* Hachette FLE, Paris.

Cuq, J.P. & Gruca, I. (2002). Cours de didactique du Français Langue Étrangère et Seconde. Collection FLE. Presses Universitaires de Grenoble.

Cuq. J-P. (2003). *Cours de didactique de français. Langue étrangères et seconde*. ASDIFLE. Éditions CLE International.

De Ketele, J.- M. (1987). *Observer pour éduquer*. P. Lang. ISBN326103677X, 9783261036773.

Delagneau, J.-M. (2005). Langues de spécialité, langues spécialisées: avancées et perspectives de la recherche. *Les langues modernes. Les langues de spécialités*, 63-72.

Deschênes, A-J. (1988). *La compréhension et la production de textes.* Presses de l'Université du Québec.

Dubois, D. (1976). Quelques aspects de la compréhension du langage : mémoire sémantique et compréhension - spécial annuel 1976, *bulletin de psychologie de l’Université de Paris In Gérard V. (1979), Op. Cite*, 37

Fayol, M. (1996). *A propos de la compréhension, Regards sur la* *lecture et ses apprentissages*, ONL.

Gagné, G., Lazure, R., Sprenger, L. & Ropé, F. (1989). *Recherches en didactique et acquisition du français langue maternelle. Tome 1.* Bruxelles : De Boeck-Université.

Gautier, R. (1992). Recherche-action. In Gautier, R., *Recherche sociale : De la problématique à la collecte des données* (pp. 517-533). Presses de l’Université du Québec.

Gernsbacher, M.A. (1990). *Language comprehension as structure building*. Hillsdale, New Jersey: Lawrence Erlbaum Associates.

Gernsbacher, M.-A. (1997). Two Decades of structure building. *Discourse Processes, 23*, 265-304.

Giasson, J. (1990). *La compréhension en lecture*. Québec (Canada): Ed. G. Morin.

Guay, M. H. et Prud’homme, L. (2011). La recherche-action. Dans T. Karsenti et L. Savoie-Zajc (dir.), *La recherche en éducation : étapes et approches* (3e éd., p. 183-211). Montréal, QC : ERPI.

Guay, M. H. et Prud’homme, L. et Dolbec, A. (2016). «La recherche-action». Dans B. Gauthier et I. Bourgeois, *Recherche sociale* : De la problématique à la collecte de données. Québec : PUQ

Guéorguiéva-Steenhoute, É. (2007). La langue de spécialité est-elle soluble dans le FLE, le FOS et le FLP. In *Les langues de spécialité en question: perspectives d'étude et applications, 12ème Journée scientifique de la CRL - 17 novembre 2007* - Université Paris-Diderot. (33-40).

## Hugon, M.-A. & Seibel, C. (Ed). (1990) Recherches impliquées. Recherche action: le cas de l'éducation.[*Revue française de pédagogie*](https://www.persee.fr/collection/rfp)*, 1990*, [92](https://www.persee.fr/issue/rfp_0556-7807_1990_num_92_1?sectionId=rfp_0556-7807_1990_num_92_1_2475_t1_0113_0000_2), 113-114

Kintsch, W. & Vandijik, T. A. (1978). Toward a model of text comprehension and production. Psychological Review, 85(5), 363–394. [https://doi.org/10.1037/0033-295X.85.5.363](https://psycnet.apa.org/doi/10.1037/0033-295X.85.5.363)

Kintsch, W. (1988). The Role of Knowledge in Discourse Comprehension: A Construction-Integration Model. *Psychological Review,* 163-182.

Kintsch, W. (1998), *Comprehension: a paradigm for cognition*. Cambridge: Cambridge University Press.

Kintsch, W., (1988). The Role of Knowledge in Discourse Comprehension: A Construction-Integration Model. *Psychological Review*, 163-182.

Lazaro, J. (2003). Lire en L2 dans les sections bilingues le français dans le monde. *Revue de la Fédération International des professeurs de français N° 327*, 25-26.

Lehmann, D. (1993). *Objectifs spécifiques en langues étrangères*. Hachette, Paris.

Lerat, P. (1995). *Les langues spécialisées*. Paris: PUF.

Lewin, K (1946). «Action Research and Minority Problems », *Journal of Social Issues*, Vol. 2, p. 34-46. Réédité in Lewin K. (1997), *Resolving Social Conflicts & Field Theory in Social Science*, Washington: American Psychological Association, p. 143-152.

Mangenot, F. (2000). L’intégration des TIC dans une perspective systémique. *Les Langues modernes*, *Les nouveaux dispositifs d’apprentissage des langues vivantes*, pp. 38-44.

Mangenot, F. (2003). L’apport des TICE à l’enseignement/apprentissage du FOS », 145- 156. In Y a-t-il un français sans objectifs spécifiques ? Les cahiers de *l’ASDIFLE.* Grenoble.

Mangenot, F. (2005). Quelles compétences, quelles formations, quels métiers liés aux TICE? Les cahiers de l’ASDIFLE - Les métiers du FLE, *16*, 163-176.

Mangiante, J.-M. & Parpette, C. (2011). *Le français sur objectif universitaire*. Grenoble: Presses Universitaires de Grenoble, 41-123.

Meyer et Macintosh (2000). L’étirement » du sens terminologique : aperçu du phénomène de

Moirand, S., (1979), *Situations d’écrit, compréhension / production en* *français langue étrangère,* CLE internationale.

Müllerová, V. (2014). *Le Français sur Objectif Spécifique et le Français universitaire*, mémoire de Master, Université de Pilsen.

Nguyen Quang Thuan (1997). *Effets des schémas culturels sur la compréhension écrite chez des étudiants vietnamiens en français langue étrangère*. Thèse de doctorat, Université de Montréal (Canada).

Nguyen Quang Thuan. (2014). Intégration des TIC dans l'enseignement d’un cours théorique. *Actes du Colloque international sur les TIC en éducation : bilan, enjeux actuels et perspectives futures (2è Edition)*. Montréal, Canada.

Nguyen Thi Hue (2016). *Élaboration d’une approche pédagogique intégrant des TICE pour améliorer la compétence de communication de textes en français de spécialité des étudiants de l’Académie de la police populaire*, Université de Langues et d’Étudesinternationales**,** Université Nationale de Hanoi.

Parpette, C. (2004). *Le Français sur Objectif spécifique : de l’analyse Des besoins à l’élaboration d’un cours*. Paris : Hachette.

Puren, C. (2002). Perspectives actionnelles et perspectives culturelles en didactique des langues-cultures : vers une perspective co-actionnelle co-culturelle. *Langues Modernes*, *Paris, APLV, Juillet-août-septembre*, p.55-71.

Puren, C. (2006), Explication de textes et perspective actionnelle : la littérature entre le dire scolaire et le faire social.([www.aplvlanguesmodernes.org/spip.php?article389](http://www.aplvlanguesmodernes.org/spip.php?article389)). *Récupéré le 8 août 2020*.

Qotb, H. (2009). *Vers une didactique du français sur objectifs spécifiques médié par Internet*. Editions Publibook ISBN 2748348621, 9782748348620

Quintin J.-J., Depover C., Degache C. (2005) Le rôle du scénario dans l’analyse d’une formation à distance, actes de la Conférence « Environnements Informatiques pour l’Apprentissage Humain » (2005) Montpellier 19-20 Mai 2005, p. 335-340

Richer, J-J (2008) « Le français sur objectifs spécifiques (F.O.S.) : une didactique spécialisée? » *Synergies Chine* n° 3 - 2008 pp. 15-30

Verspieren, M.-R. (1990). Recherche-action de type stratégique et Sciences de l’éducation. Paris : l’Harmattan / Contradictions, 396 p.

Verspieren, M.-R. (1994). Science, formation et recherche-action de type stratégique. *Actes de lecture n°45 (mars 1994)*, Association française pour la lecture. /Larousse.

Vigner, G. & Martin, A. (1976). *Le Français technique*. Paris: Hachette.